

Chương 10

Các quy trình định tính

Các quy trình định tính tương phản rõ rệt với các phương pháp nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính triển khai các nhận định tri thức, các chiến lược tìm hiểu, và các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu khác với nghiên cứu định lượng. Cho dù các quá trình cũng tương tự, các quy trình định tính dựa vào dữ liệu bằng lời (chữ) và hình ảnh, có các bước tiến hành riêng trong phân tích dữ liệu, và dựa vào các chiến lược tìm hiểu đa dạng.

Trên thực tế, các chiến lược tìm hiểu được chọn trong một dự án định tính sẽ ảnh hưởng đáng kể đến các quy trình. Các quy trình này, ngay cả trong phạm vi một chiến lược, cũng không hề đồng nhất. Nhìn qua quang cảnh các quy trình định tính, ta thấy các quan điểm đi từ tư duy hậu hiện đại (Denzin & Lincoln, 2000) cho đến quan điểm ý thức hệ (Lather, 1991), cho đến các quan điểm triết học (Schwandt, 2000), cho đến các hướng dẫn quy trình hệ thống (Creswell, 1998; Strauss & Corbin, 1998). Tất cả các quan điểm này tranh nhau vị trí trọng tâm trong mô hình tìm hiểu gọi mở được gọi là nghiên cứu “định tính” này.

Chương này sẽ cố gắng xây dựng một nền tảng trung dung, trình bày các quy trình tổng quát và sử dụng các ví dụ một cách tự do để minh họa các dạng chiến lược. Thảo luận này dựa vào ý tưởng của một số tác giả viết về thiết kế đề xuất nghiên cứu định tính (ví dụ như Berg, 2001; Marshall & Rossman, 1999; Maxwell, 1996; Rossman & Rallis, 1998). Các chủ đề trong phân quy trình của đề xuất nghiên cứu là: các đặc điểm của nghiên cứu định tính, chiến lược nghiên cứu, vai trò của nhà nghiên cứu, các bước thu thập và phân tích dữ liệu, các chiến lược xác nhận giá trị, tính chính xác của các phát hiện, và cơ cấu tường thuật. Bảng 10.1 trình bày danh sách các câu hỏi kiểm tra để thiết kế các quy trình nghiên cứu định tính.

CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

Trong nhiều năm, người viết đề xuất nghiên cứu phải thảo luận các đặc điểm của nghiên cứu định tính và thuyết phục khoa cũng như độc giả về tính chính đáng của nghiên cứu. Giờ đây, xem ra người ta đã nhất trí phần nào về những gì tạo thành nghiên cứu định tính và việc thảo luận như thế là không cần thiết nữa (Flinders & Mills [1993] sẽ không đồng ý về điểm này). Vì vậy, gợi ý của tôi về phần này của đề xuất nghiên cứu sẽ là:

- Xem xét nhu cầu của độc giả tiềm năng về đề xuất nghiên cứu. Quyết định xem thử độc giả có đủ thành thạo về các đặc điểm của nghiên cứu định tính để không cần thiết phải trình bày phần này không.
- Nếu có ít nhiều nghi vấn về sự am tường của họ thì hãy trình bày các đặc điểm cơ bản của nghiên cứu định tính trong đề xuất nghiên cứu và có thể thảo luận một bài báo nghiên cứu định tính gần đây như một ví dụ minh họa các đặc điểm này.
- Một vài danh mục các đặc điểm có thể được sử dụng (ví dụ, Bogdan & Biklen, 1992; Eisner, 1991; Marshall & Rossman, 1999), nhưng tôi thích những đặc điểm mà Rossman và Rallis (1998) vạch ra vì những đặc điểm này nắm bắt cả các quan điểm truyền thống và những quan điểm mang tính ủng hộ, tham gia, và phản thân của nghiên cứu định tính. Xây dựng trên những ý tưởng này của Rossman và Rallis (1998) là những đặc điểm mà tôi đề nghị:

Bảng 10.1 Danh mục các câu hỏi cần kiểm tra để thiết kế một quy trình định tính

- _____ Có đề cập đến các đặc điểm cơ bản của nghiên cứu định tính không?
- _____ Có đề cập đến loại chiến lược tìm hiểu định tính cụ thể sẽ sử dụng trong nghiên cứu không? Có đề cập đến lịch sử, định nghĩa, và các ứng dụng của chiến lược này hay không?
- _____ Độc giả có am hiểu về vai trò của nhà nghiên cứu trong nghiên cứu hay không (kinh nghiệm quá khứ, sự kết nối cá nhân với thực địa và con người, các bước thâm nhập thực địa và các vấn đề đạo đức nhạy cảm)?
- _____ Có nêu lên chiến lược chọn mẫu đề xuất cho thực địa và các cá nhân hay không?
- _____ Có đề cập đến các hình thức thu thập dữ liệu và cơ sở lý luận cho việc sử dụng các hình thức thu thập dữ liệu này không?
- _____ Có đề cập đến các quy trình ghi nhận thông tin (như các bản ghi chép thông tin nguyên gốc) trong quy trình thu thập dữ liệu?
- _____ Có nêu các bước phân tích dữ liệu hay không?
- _____ Có bằng chứng cho thấy nhà nghiên cứu đã tổ chức sắp xếp dữ liệu để phân tích?
- _____ Nhà nghiên cứu có xem xét dữ liệu một cách tổng quát để có được sự cảm nhận về thông tin?
- _____ Việc mã hoá có được sử dụng cho dữ liệu hay không?
- _____ Các mã hiệu có được xây dựng để mô tả hay nhận diện các chủ đề?
- _____ Các chủ đề có liên quan với nhau để thể hiện một trình độ phân tích và trừu tượng cao hơn?
- _____ Có đề cập đến các hình thức trình bày dữ liệu – như qua các bảng biểu, biểu đồ, và hình vẽ?
- _____ Có nêu các cơ sở để lý giải phân tích (kinh nghiệm cá nhân, tư liệu, các câu hỏi, chương trình hành động)?
- _____ Nhà nghiên cứu có đề cập đến kết quả của nghiên cứu? (triển khai một lý thuyết? mang lại một bức tranh phức tạp về các chủ đề?)
- _____ Có trích dẫn nhiều chiến lược để xác nhận giá trị các phát hiện?

- Nghiên cứu định tính diễn ra trong bối cảnh tự nhiên. Nhà nghiên cứu định tính thường đi đến thực địa hay hiện trường (nhà, văn phòng) của người tham gia để thực hiện nghiên cứu. Điều này giúp nhà nghiên cứu triển khai một mức độ chi tiết về cá nhân hay địa điểm và tham gia sâu sát vào kinh nghiệm thực tế của những người tham gia.
- Nghiên cứu định tính sử dụng nhiều phương pháp có tính tương tác và nhân văn. Các phương pháp thu thập dữ liệu đang phát triển, và ngày càng liên quan đến sự tham gia tích cực của người tham gia và sự nhạy cảm với người tham gia nghiên cứu. Các nhà nghiên cứu định tính tìm kiếm sự liên quan của người tham gia trong quá trình thu thập dữ liệu và tìm cách xây dựng sự giao lưu và tin cậy với các cá nhân trong nghiên cứu. Họ hạn chế việc xáo trộn thực địa ở mức cần thiết. Ngoài ra, các phương pháp thu thập dữ liệu thực tế, mà theo truyền thống dựa vào các quan sát có kết thúc mở, phỏng vấn, và văn bản chứng từ, giờ đây còn bao gồm nhiều nguyên liệu khác như âm thanh, thư điện tử, vở ghi chép, và các hình thức khác đang xuất hiện (xem phần sau về thu thập dữ liệu trong chương này). Dữ liệu thu thập liên quan đến dữ liệu bằng lời (chữ) và hình ảnh (hay tranh ảnh).

- Nghiên cứu định tính tự hiện ra chứ không phải được hình dung trước một cách chặt chẽ. Một số khía cạnh xuất hiện trong quá trình nghiên cứu định tính. Các câu hỏi nghiên cứu có thể thay đổi và được sàng lọc khi nhà nghiên cứu tìm hiểu xem họ sẽ hỏi điều gì và nên hỏi ai. Quá trình thu thập dữ liệu có thể thay đổi như những cánh cửa mở ra và đóng lại để thu thập dữ liệu, và nhà nghiên cứu tìm hiểu những hiện tượng tốt nhất nơi họ tìm hiểu về hiện tượng chính được quan tâm. Lý thuyết hay phương thức chung của nhận thức sẽ nổi lên khi được bắt đầu bằng các mã hiệu ban đầu, triển khai thành các chủ đề tổng quát, và kết hợp thành một lý thuyết cơ sở hay sự diễn giải tổng quát. Các khía cạnh của mô hình nghiên cứu gợi mở này làm ta khó mà hình dung trước nghiên cứu định tính một cách chặt chẽ trong đề xuất nghiên cứu hay vào giai đoạn nghiên cứu ban đầu.
- Nghiên cứu định tính về cơ bản có tính chất diễn giải. Điều này có nghĩa là nhà nghiên cứu thực hiện việc lý giải dữ liệu. Lý giải dữ liệu bao gồm việc mô tả một cá nhân hay bối cảnh, phân tích dữ liệu thành các chủ đề hay chủng loại, và cuối cùng diễn giải hay rút ra kết luận về ý nghĩa của nó một cách cá nhân và lý thuyết, phát biểu bài học rút ra, và đặt ra những câu hỏi sâu xa hơn (Wolcott, 1994). Điều đó cũng có nghĩa là nhà nghiên cứu sàng lọc dữ liệu thông qua lăng kính cá nhân được đặt trong một khoảnh khắc lịch sử và chính trị xã hội cụ thể. Ta không thể thoát khỏi sự lý giải cá nhân hình thành trong phân tích dữ liệu định tính.
- Nhà nghiên cứu định tính xem xét các hiện tượng xã hội như một chỉnh thể. Điều này giải thích tại sao nghiên cứu định tính thể hiện như những quan điểm toàn cảnh bao quát, chứ không phải những phân tích vi mô. Tường thuật càng phức tạp, tương tác, và bao trùm, thì nghiên cứu định tính càng tốt. Các mô hình khả kiến về nhiều mặt của một quá trình hay hiện tượng trung tâm giúp ta xây dựng bức tranh chỉnh thể này (ví dụ, tìm đọc nghiên cứu của Creswell và Brown, 1992).
- Nhà nghiên cứu định tính phản ánh một cách hệ thống về những người mà họ đang nghiên cứu; sự phản ánh đó nhạy cảm với tiểu sử cá nhân của nhà nghiên cứu và cách thức họ định hình nghiên cứu. Sự tự xem xét nội tâm này và sự thừa nhận độ thiên lệch, các giá trị và mối quan tâm (hay sự *phản thân*) là điển hình của nghiên cứu định tính ngày nay. Bản ngã cá nhân (personal-self) trở nên không thể tách rời với bản thân nhà nghiên cứu (researcher-self). Nó cũng tiêu biểu cho tính trung thực và cởi mở với nghiên cứu, thừa nhận rằng mọi tìm hiểu đều chứa đầy các giá trị (Mertens, 2003). Về mặt quy trình, các phát biểu phản ánh cá nhân xuất hiện trong phần “vai trò của nhà nghiên cứu” (xem thảo luận về chủ đề này sau trong chương này) hay trong lời bạt (xem nghiên cứu của Asmussen và Creswell, 1995), hay thể hiện xuyên suốt đề xuất nghiên cứu hay nghiên cứu.
- Nhà nghiên cứu định tính sử dụng lập luận phức hợp, đa diện, lặp lại, và đồng thời. Cho dù lập luận nhìn chung có tính qui nạp, cả quá trình qui nạp và diễn dịch đều được vận dụng. Quá trình tư duy cũng lặp lại, với một chu kỳ đi tới đi lui từ thu thập và phân tích dữ liệu đến trình bày lại vấn đề và quay lại. Bổ sung cho quá trình này là các hoạt động đồng thời thu thập, phân tích và viết dữ liệu.
- Nhà nghiên cứu định tính thực hiện và sử dụng một hay nhiều chiến lược tìm hiểu để dẫn dắt các quy trình trong nghiên cứu định tính. Đối với các nhà nghiên cứu mới bắt đầu, chỉ cần sử dụng một chiến lược là đủ và tìm trong các sách quy trình gần đây để xem hướng dẫn cách thiết kế một đề xuất nghiên cứu và thực hiện các quy trình chiến lược.

CÁC CHIẾN LƯỢC TÌM HIỂU

Ngoài các đặc điểm tổng quát này là các chiến lược tìm hiểu cụ thể hơn. Các chiến lược này tập trung vào việc thu thập dữ liệu, phân tích, và viết, nhưng chúng xuất phát từ các ngành học và xuyên suốt quá trình nghiên cứu (ví dụ, loại vấn đề, các vấn đề đạo đức quan trọng) (Creswell, 1998). Có nhiều chiến lược, ví dụ như 28 cách tiếp cận do Tesch (1990) vạch ra, 19 loại trong cây chiến lược của Wolcott (2001), và 5 “truyền thống” tìm hiểu của Creswell (1998). Như đã thảo luận trong chương 1, bây giờ tôi đề nghị các nhà nghiên cứu định tính chọn trong năm khả năng, bao gồm tường thuật, hiện tượng học, dân tộc học, nghiên cứu tình huống, và lý thuyết cơ sở. Tôi không đưa ra một cơ sở quyết đoán chính thức cho năm khả năng này, nhưng tôi nhận thấy chúng được sử dụng thường xuyên hiện nay, và tiêu biểu cho một tiêu điểm bao trùm từ hẹp đến rộng. Ví dụ, nhà nghiên cứu có thể nghiên cứu các cá nhân (tường thuật, hiện tượng học); khám phá các quá trình, hoạt động, và sự kiện (nghiên cứu tình huống, lý thuyết cơ sở); hay tìm hiểu về những hành vi có cùng văn hoá của các cá nhân hay các nhóm (dân tộc học).

Khi viết quy trình cho một đề xuất nghiên cứu định tính, những công việc liệt kê dưới đây được đề nghị:

- Nêu chiến lược tìm hiểu cụ thể sẽ được sử dụng.
- Trình bày một vài thông tin cơ bản về chiến lược, như chiến lược đó xuất phát từ ngành học nào, các ứng dụng, và định nghĩa ngắn gọn về chiến lược đó (xem chương 1 về năm chiến lược tìm hiểu mà tôi đã minh hoạ).
- Thảo luận lý do khiến chiến lược này phù hợp để sử dụng trong đề xuất nghiên cứu.
- Nêu rõ làm thế nào việc sử dụng chiến lược sẽ định hình loại câu hỏi (tìm đọc nghiên cứu của Morse, 1994 về những câu hỏi liên hệ đến các chiến lược), hình thức thu thập dữ liệu, các bước phân tích dữ liệu, và tường thuật sau cùng.

VAI TRÒ CỦA NHÀ NGHIÊN CỨU

Như đã đề cập trong danh mục các đặc điểm, nghiên cứu định tính là nghiên cứu diễn giải, nhà nghiên cứu thường liên quan đến những trải nghiệm kéo dài và sâu rộng với người tham gia. Điều này đưa các vấn đề chiến lược, đạo đức và cá nhân vào quá trình nghiên cứu định tính (Locke và những người khác, 2000). Với những suy nghĩ này, nhà nghiên cứu công khai nêu lên sự thiên lệch của họ, các giá trị và các mối quan tâm cá nhân về đề tài và quá trình nghiên cứu. Việc thâm nhập thực địa nghiên cứu và các vấn đề đạo đức có thể phát sinh cũng là các yếu tố trong vai trò của nhà nghiên cứu.

- Bao gồm phát biểu về những kinh nghiệm quá khứ mang lại dữ liệu nền tảng qua đó độc giả có thể am hiểu tường tận hơn về đề tài, bối cảnh, hay những người tham gia.
- Bình luận về sự kết nối giữa nhà nghiên cứu và những người tham gia và về thực địa nghiên cứu. Nghiên cứu “sân sau” (Glesne và Peshkin, 1992) liên quan đến việc tìm hiểu tổ chức riêng của nhà nghiên cứu, hay bạn bè, hay bối cảnh công việc ngay tại thời điểm đó của họ. Điều này thường dẫn đến những dàn xếp hay thoả hiệp trong khả năng của nhà nghiên cứu để công bố thông tin và làm phát sinh những vấn đề khó khăn về quyền lực. Cho dù việc thu thập dữ liệu có thể thuận tiện và dễ dàng, những vấn đề về báo cáo dữ liệu bị thiên lệch, không hoàn chỉnh, hay được dàn xếp đã trở thành huyền thoại. Nếu nghiên cứu “sân sau” là cần thiết, hãy triển khai những chiến lược xác nhận giá trị (như sẽ thảo luận sau) để tạo ra niềm tin của độc giả về tính chính xác của các phát hiện.

- Nêu rõ các bước thực hiện để được sự cho phép của Hội đồng xem xét thể chế (Institutional Review Board, xem chương 1) nhằm bảo vệ nhân quyền của những người tham gia. Đính kèm trong phần phụ lục văn bản phê duyệt của Hội đồng và thảo luận quá trình liên quan để bảo đảm sự cho phép.
- Thảo luận các bước thực hiện để thâm nhập bối cảnh và bảo đảm được phép nghiên cứu về những người cung cấp thông tin hay về tình huống (Marshall và Rossman, 1999). Điều quan trọng để được quyền tiếp cận nghiên cứu hay thâm nhập thực địa là được sự chấp thuận của những “người gác cổng”. Có thể phải làm một kiến nghị ngắn gọn và nộp cho “người gác cổng” xem xét. Bogdan và Biklen (1992) trình bày những khoản mục có thể được đề cập trong một kiến nghị như vậy:
 - Tại sao chọn hiện trường này để nghiên cứu?
 - Những hoạt động gì sẽ diễn ra tại hiện trường trong quá trình nghiên cứu?
 - Liệu nghiên cứu có gây ra sự xáo trộn hay không?
 - Các kết quả sẽ được báo cáo như thế nào?
 - “Người gác cổng” sẽ được lợi gì từ nghiên cứu?
- Nhận xét về những vấn đề đạo đức nhạy cảm có thể phát sinh (xem chương 1 về mục này và xem thêm nghiên cứu của Berg, 2001). Đối với từng vấn đề phát sinh, thảo luận xem nghiên cứu sẽ giải quyết như thế nào. Ví dụ, khi nghiên cứu một đề tài nhạy cảm, cần thiết phải che dấu danh tính con người, địa điểm, và hoạt động. Trong tình huống này, quá trình che dấu thông tin phải được thảo luận trong đề xuất nghiên cứu.

CÁC QUY TRÌNH THU THẬP DỮ LIỆU

Các nhận xét về vai trò của nhà nghiên cứu là khởi đầu của thảo luận về những vấn đề liên quan đến thu thập dữ liệu. Các bước thu thập dữ liệu bao gồm xác định ranh giới của nghiên cứu, thu thập thông tin thông qua các cuộc phỏng vấn và các quan sát phi cơ cấu (hay bán cơ cấu), văn bản chứng từ, và các nguyên liệu khả kiến cũng như xây dựng các bản ghi chép nguyên gốc để ghi nhận thông tin.

- Nêu rõ hiện trường hay cá nhân *được chọn một cách có chủ định* cho đề xuất nghiên cứu. Ý tưởng của nghiên cứu định tính là chọn lựa *có chủ định* những người tham gia hay thực địa nghiên cứu (hay văn bản chứng từ hay nguyên liệu khả kiến) có ích nhiều nhất cho nhà nghiên cứu trong việc tìm hiểu vấn đề và các câu hỏi nghiên cứu. Điều này không nhất thiết có nghĩa là phải chọn mẫu ngẫu nhiên hay chọn một số lượng lớn người tham gia và thực địa, như thường nhận thấy trong nghiên cứu *định lượng*. Thảo luận về người tham gia và thực địa phải bao gồm bốn khía cạnh như đề xuất của Miles và Huberman (1994): *bối cảnh* (nơi diễn ra nghiên cứu), *các tác nhân* (người sẽ được quan sát hay được phỏng vấn), *sự kiện* (những gì mà các tác nhân làm), và *quá trình* (bản chất tiến hoá của sự kiện mà các tác nhân đảm nhận trong bối cảnh).
- Tiếp đến, trình bày loại hay các loại dữ liệu sẽ được thu thập. Trong nhiều nghiên cứu định tính, nhà nghiên cứu thu thập nhiều dạng dữ liệu và phải mất nhiều thời gian tại bối cảnh tự nhiên để thu thập thông tin. Các quy trình thu thập dữ liệu trong nghiên cứu định tính liên quan đến bốn loại, như thể hiện trong bảng 10.2.
 1. *Các quan sát*, trong đó nhà nghiên cứu ghi chép nhận xét tại thực địa về hành vi và hoạt động của các cá nhân. Trong các ghi chép tại thực địa này, nhà nghiên cứu ghi nhận các hoạt động tại thực địa dưới dạng có cơ cấu hay không có cơ cấu (nghĩa là có hay không sử dụng cùng những câu hỏi cho trước mà nhà nghiên cứu muốn biết). Nhà quan sát định tính cũng có thể thực hiện những vai trò khác nhau từ người không tham gia cho đến người tham gia hoàn toàn.

Bảng 10.2 Các loại thu thập dữ liệu định tính, các phương án, các ưu điểm và hạn chế

<i>Loại thu thập dữ liệu</i>	<i>Các phương án trong một loại</i>	<i>Ưu điểm</i>	<i>Hạn chế</i>
Quan sát	<ul style="list-style-type: none"> • Người tham gia hoàn toàn: nhà nghiên cứu che dấu vai trò • Người quan sát đóng vai trò như người tham gia: mọi người đều biết vai trò của nhà nghiên cứu • Người tham gia đóng vai trò như người quan sát: vai trò quan sát là thứ yếu so với vai trò tham gia • Người quan sát hoàn toàn: nhà nghiên cứu quan sát mà không tham gia 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà nghiên cứu có trải nghiệm mắt thấy tai nghe với người tham gia • Nhà nghiên cứu có thể ghi nhận thông tin khi thông tin đang bộc lộ • Các khía cạnh khác thường có thể được lưu ý trong khi quan sát • Hữu ích khi tìm hiểu những đề tài mà người tham gia cảm thấy không thuận tiện thảo luận 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà nghiên cứu có thể bị xem là người đột nhập • Có thể quan sát cả thông tin “riêng tư” mặc dù không thể báo cáo • Nhà nghiên cứu có thể không có kỹ năng tham gia và quan sát cần thiết • Có thể có khó khăn trong việc giao tiếp với một số loại người tham gia nào đó (như trẻ em chẳng hạn)
Phỏng vấn	<ul style="list-style-type: none"> • Mặt đối mặt: phỏng vấn trực tiếp từng người • Điện thoại: nhà nghiên cứu phỏng vấn qua điện thoại • Nhóm: nhà nghiên cứu phỏng vấn những người tham gia theo một nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> • Hữu ích khi không thể trực tiếp quan sát những người tham gia • Người tham gia có thể cung cấp những thông tin lịch sử • Cho phép nhà nghiên cứu “kiểm soát” theo mạch câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> • Cho thông tin “gián tiếp” được lọc qua quan điểm của người tham gia • Cho thông tin ở địa điểm được chọn chứ không phải của hiện trường • Sự hiện diện của nhà nghiên cứu có thể làm thiên lệch sự phức đáp • Con người không có khả năng trình bày khúc chiết và nhận thức giống hệt như nhau

Loại thu thập dữ liệu	Các phương án trong một loại	Ưu điểm của loại	Hạn chế của loại
Tài liệu văn bản	<ul style="list-style-type: none"> • Các tài liệu văn bản công cộng như biên bản họp và báo chí • Các tài liệu văn bản cá nhân như ghi chép cá nhân, nhật ký và thư từ • Các thảo luận qua thư điện tử 	<ul style="list-style-type: none"> • Giúp nhà nghiên cứu có được ngôn ngữ và lời lẽ của người tham gia • Có thể tiếp cận vào những thời điểm thuận tiện đối với nhà nghiên cứu - một nguồn thông tin không gây phiền hà • Tiêu biểu cho những dữ liệu sâu sắc trong đó người tham gia đã chú ý đến việc biên soạn • Như những bằng chứng bằng văn bản, nó tiết kiệm thời gian và chi phí chuyển ngữ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể là những thông tin được bảo vệ, không có sẵn để truy cập công khai hay riêng tư • Đòi hỏi nhà nghiên cứu phải truy tìm thông tin ở những nơi khó tìm • Đòi hỏi phải chuyển ngữ hay scan đối với tài liệu trên máy tính • Các tài liệu có thể không hoàn chỉnh • Các chứng từ có thể không đích thực hay không chính xác
Các tài liệu nghe nhìn	<ul style="list-style-type: none"> • Ảnh chụp • Băng video • Các vật thể nghệ thuật • Phần mềm máy tính • Phim 	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể là một phương pháp không gây phiền hà để thu thập dữ liệu • Mang lại cơ hội để người tham gia trực tiếp chia sẻ “thực tế” của họ • Sáng tạo ở chỗ nó nắm bắt sự chú ý khả kiến 	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể khó diễn giải • Không chắc có thể tiếp cận công khai hay riêng tư • Sự hiện diện của nhà quan sát (ví dụ người chụp ảnh) có thể gây xáo trộn và ảnh hưởng đến phản ứng.

Chú thích: Bảng này bao gồm những nội dung lấy từ nghiên cứu của Merriam (1998), Bogdan và Biklen (1992), và Creswell (2002).

2. Trong *phỏng vấn*, nhà nghiên cứu thực hiện việc phỏng vấn mặt đối mặt với người tham gia, phỏng vấn qua điện thoại, hay tham gia vào các cuộc phỏng vấn nhóm với sáu hay tám người được phỏng vấn trong từng nhóm. Các cuộc phỏng vấn này liên quan đến các câu hỏi phi cấu trúc hay nói chung có kết thúc mở, ít về số lượng và nhằm khơi gợi quan điểm và ý kiến của người tham gia.
3. Trong quá trình nghiên cứu, nhà nghiên cứu định tính có thể thu thập các *tài liệu văn bản*. Các tài liệu này có thể là văn bản công (ví dụ như báo chí, biên bản các cuộc họp, báo cáo chính thức) hay các văn bản tư (ví dụ như ghi chép cá nhân và nhật ký, thư từ và thư điện tử).
4. Loại nghiên cứu định tính cuối cùng liên quan đến các tài liệu nghe nhìn. Dữ liệu này có thể nằm dưới dạng ảnh chụp, các vật thể nghệ thuật, băng video, hay bất kỳ hình thức ghi âm nào.
 - Trong thảo luận về các hình thức thu thập dữ liệu, hãy nêu cụ thể về chủng loại và bao gồm các lập luận liên quan đến ưu và nhược điểm của từng loại, như thảo luận trong bảng 10.2.
 - Bao gồm các loại hình thu thập dữ liệu vượt ra ngoài các cuộc phỏng vấn và quan sát tiêu biểu. Các hình thức bất thường này mang đến cho độc giả sự quan tâm vào đề xuất nghiên cứu và có thể nắm bắt những thông tin bổ ích mà việc quan sát và phỏng vấn có thể bỏ sót. Ví dụ, hãy xem bảng 10.3 tóm tắt các loại dữ liệu có thể sử dụng để mở rộng thông tin về các khả năng, như ghi nhận âm thanh hay mùi vị, hay sử dụng các khoản mục ưa thích để khơi gợi nhận xét trong một cuộc phỏng vấn.

CÁC QUY TRÌNH GHI CHÉP DỮ LIỆU

Trước khi đến thực địa, nhà nghiên cứu định tính dự định cách thức ghi chép dữ liệu. Đề xuất nghiên cứu nên nêu rõ những dữ liệu gì nhà nghiên cứu sẽ ghi chép và các quy trình ghi chép dữ liệu.

- Sử dụng một *bản ghi chép quan sát nguyên mẫu* để ghi nhận dữ liệu quan sát. Nhà nghiên cứu thường tham gia vào nhiều quan sát trong quá trình nghiên cứu định tính và sử dụng một *bản ghi chép nguyên mẫu* hay một biểu mẫu để ghi nhận thông tin. Bản ghi chép quan sát nguyên mẫu này có thể là một trang giấy với một dòng kẻ thẳng xuống dưới ở giữa để tách riêng các *ghi chép mô tả* (mô tả người tham gia, xây dựng lại cuộc đối thoại, mô tả bối cảnh vật chất, giải thích các sự kiện cụ thể, hay các hoạt động) và các *ghi chép phản thân* (suy nghĩ riêng của nhà nghiên cứu, như “suy đoán, cảm giác, vấn đề, ý tưởng, linh cảm, ấn tượng, và thành kiến”) (Bogdan và Biklen, 1992, trang 121). Đồng thời biểu mẫu này có thể viết *thông tin nhân khẩu học* về thời gian, địa điểm, và ngày tháng của bối cảnh thực địa nơi diễn ra quan sát.
- Sử dụng một *bảng ghi chép phỏng vấn nguyên mẫu* để ghi nhận thông tin trong một cuộc phỏng vấn định tính. Bản ghi chép này bao gồm các câu phần sau đây: tiêu đề, hướng dẫn người phỏng vấn (phát biểu mở đầu), các câu hỏi nghiên cứu chính, thăm dò theo dõi các câu hỏi chính, các thông điệp chuyển tiếp cho người phỏng vấn, chỗ ghi chép nhận xét của người phỏng vấn, và chỗ để nhà nghiên cứu chi chép các nhận xét phản thân.
- Nhà nghiên cứu ghi nhận thông tin từ các cuộc phỏng vấn bằng ghi chú viết tay, băng ghi âm, hay băng video. Trong quá trình phỏng vấn, nhà nghiên cứu nên ghi chép các sự kiện mà thiết bị ghi âm hay ghi băng không ghi nhận được. Cũng cần lên kế hoạch trước về việc có sử dụng một người chuyên ngữ hay không.
- Việc ghi nhận *tài liệu văn bản* và *tài liệu nghe nhìn* có thể dựa vào cơ cấu ghi chép của nhà nghiên cứu. Thông thường, các ghi chép phản ánh thông tin về văn bản hay các tài

liệu khác cũng như các ý tưởng chính trong tài liệu. Đối với văn bản, điều hữu ích là lưu ý liệu thông tin này đại diện cho tài liệu sơ cấp (nghĩa là thông tin trực tiếp từ người hay tình huống nghiên cứu) hay tài liệu thứ cấp (ví dụ, giải thích của người hay tình huống mà do người khác viết lại).

Bảng 10.3 Danh mục các cách tiếp cận thu thập dữ liệu định tính

- Thu thập các ghi chép quan sát thông qua thực hiện việc quan sát như một người tham gia.
- Thu thập các ghi chép quan sát thông qua thực hiện việc quan sát như một nhà quan sát.
- Thực hiện phỏng vấn không cơ cấu với các câu hỏi có kết thúc mở và ghi chép nội dung phỏng vấn.
- Thực hiện phỏng vấn không cơ cấu với các câu hỏi có kết thúc mở và ghi âm cuộc phỏng vấn, rồi chuyển ngữ.
- Ghi nhật ký trong quá trình nghiên cứu.
- Yêu cầu một người tham gia ghi nhật ký trong quá trình nghiên cứu.
- Scan bằng phương tiện quang học các thông tin báo chí.
- Thu thập thư từ cá nhân từ những người tham gia.
- Phân tích các văn bản công (ví dụ như bản ghi nhớ chính thức, biên bản họp, hồ sơ, tài liệu lưu trữ).
- Xem các bản tự truyện hay tiểu sử.
- Yêu cầu một người tham gia viết tự truyện của họ.
- Viết tự truyện của chính bạn (nhà nghiên cứu).
- Yêu cầu những người tham gia chụp ảnh hay quay băng video (ví dụ khơi gợi bằng hình ảnh).
- Xem xét các bằng chứng dấu vết vật lý (ví dụ dấu chân trên tuyết).
- Quay băng video một tình huống xã hội hay một cá nhân hay một nhóm.
- Xem xét các ảnh chụp hay băng video.
- Thu thập âm thanh (ví dụ, tiếng nhạc, tiếng cười của trẻ em, tiếng còi xe).
- Thu thập thư điện tử hay các tin nhắn điện tử.
- Xem xét các vật sở hữu hay các vật thể nghi lễ để khơi gợi quan điểm trong cuộc phỏng vấn.
- Thu thập mùi, vị, hay cảm nhận khi sờ chạm.

Chú thích: Phỏng theo Creswell (1998) và Creswell (2002).

PHÂN TÍCH DỮ LIỆU VÀ LÝ GIẢI

Phản thảo luận kế hoạch phân tích dữ liệu có thể có một vài cấu phần. Quá trình phân tích dữ liệu liên quan đến việc đưa ra ý nghĩa từ dữ liệu văn bản và hình ảnh. Công việc này liên quan đến sự chuẩn bị dữ liệu để phân tích, thực hiện các phân tích khác nhau, tiến dần đến sự am hiểu sâu xa hơn về dữ liệu, trình bày dữ liệu, và thực hiện việc lý giải ý nghĩa bao quát hơn của dữ liệu. Một vài quá trình chung có thể được trình bày trong đề xuất nghiên cứu để truyền đạt ý nghĩa hoạt động chung của phân tích dữ liệu định tính, như các điểm sau đây được rút ra từ suy nghĩ của riêng tôi và của Rossman và Rallis (1998):

- Đó là một quá trình diễn ra liên quan đến sự phản ánh dữ liệu liên tục, đặt những câu hỏi phân tích, và viết ghi nhớ trong suốt nghiên cứu. Quá trình đó không được tách riêng rạch rời từ các hoạt động khác như thu thập dữ liệu hay định hình các câu hỏi nghiên cứu.

- Hầu hết quá trình này liên quan đến việc sử dụng các dữ liệu có kết thúc mở. Điều này đòi hỏi phải đặt ra những câu hỏi tổng quát và triển khai việc phân tích từ thông tin cung cấp bởi những người tham gia.
- Nhà nghiên cứu cần điều chỉnh việc phân tích dữ liệu vượt ra khỏi những cách tiếp cận chung để thích nghi với loại chiến lược nghiên cứu định tính cụ thể (xem nghiên cứu của Creswell, 1998). Ví dụ *lý thuyết cơ sở* có các bước hệ thống (Strauss và Corbin, 1990, 1998). Các bước này liên quan đến việc tạo ra các chủng loại thông tin (mã hiệu mở - open coding), chọn một trong các chủng loại và định vị nó trong mô hình lý thuyết (mã hiệu trục - axial coding) rồi triển khai một câu chuyện từ sự kết nối lẫn nhau của các chủng loại này (mã hiệu chọn lọc - selective coding). *Nghiên cứu tình huống* và *nghiên cứu phong tục học* liên quan đến sự mô tả chi tiết bối cảnh hay các cá nhân, tiếp theo là phân tích dữ liệu về các chủ đề hay vấn đề (xem nghiên cứu của Stake, 1995. Wolcott, 1994). *Nghiên cứu hiện tượng học* sử dụng phép phân tích các phát biểu có ý nghĩa, tạo ra các đơn vị ý nghĩa, và triển khai sự mô tả “bản chất” (Moustakas, 1994). *Nghiên cứu tường thuật* thực hiện việc kể lại các câu chuyện của những người tham gia, sử dụng các công cụ cơ cấu như cốt truyện, bối cảnh, hoạt động, cao trào, và kết thúc (Clandinin và Connelly, 2000). Như những ví dụ này cho thấy, các quá trình và khoản mục của mỗi chiến lược phân tích mỗi khác.

Cho dù những khác biệt phân tích này phụ thuộc vào loại thiết kế sử dụng, nhà nghiên cứu định tính thường truyền đạt một quá trình phân tích dữ liệu chung vào đề xuất nghiên cứu. Một tình huống lý tưởng là hài hoà các bước chung với các bước thiết kế nghiên cứu cụ thể. Các bước chung liên quan đến những bước sau đây:

- Bước 1** *Sắp xếp và chuẩn bị* dữ liệu để phân tích. Điều này liên quan đến việc chuyển ngữ các cuộc phỏng vấn, scan bằng quang học các tài liệu, đánh máy lại các bản ghi chép tại thực địa, hay sắp xếp dữ liệu thành các loại khác nhau phụ thuộc vào nguồn thông tin.
- Bước 2** Đọc toàn bộ dữ liệu. Bước tổng quát đầu tiên là có được *cảm nhận chung* về thông tin và suy nghĩ về ý nghĩa khái quát của nó. Các ý tưởng chung mà những người tham gia nói tới là gì? Tinh thần chung của các ý tưởng này là gì? Ấn tượng chung về độ sâu, độ tin cậy, và việc sử dụng thông tin là gì? Đôi khi nhà nghiên cứu định tính viết ghi chú bên lề hay bắt đầu ghi chép những suy nghĩ chung về dữ liệu vào giai đoạn này.
- Bước 3** Bắt đầu phân tích chi tiết bằng quá trình mã hoá dữ liệu. *Mã hoá* là quá trình tổ chức tài liệu thành “các khúc (chunks)” trước khi đưa ý nghĩa vào các khúc này (Rossman và Rallis, 1998, trang 171). Mã hoá liên quan đến việc viết thành lời các dữ liệu hay hình ảnh, phân chia các câu văn (hay các đoạn văn) hay hình ảnh thành các chủng loại và ghi nhãn cho các chủng loại này bằng một thuật ngữ, thường dựa vào ngôn ngữ thực tế của người tham gia (gọi là thuật ngữ hoạt - vivo term).

Trước khi tiến hành bước 4, hãy xem một vài nhận xét mang lại sự hướng dẫn chi tiết cho quá trình mã hoá dữ liệu. Tesch (1990), trang 142-145 phân tích quá trình này trong tám bước:

1. Tìm hiểu ý nghĩa tổng thể. Đọc toàn bộ các bản chuyển ngữ một cách cẩn thận. Có thể ghi ra một vài ý tưởng khi chúng vừa xuất hiện trong đầu.

2. Chọn một tài liệu (ví dụ như một bài phỏng vấn) – tài liệu thú vị nhất, tài liệu ngắn nhất, tài liệu ngay trên đầu tập hồ sơ. Xem xét tài liệu đó, tự hỏi “nó nói về điều gì?” Đừng nghĩ về “chất liệu” của thông tin mà nghĩ về ý nghĩa hàm chứa của nó, viết các suy nghĩ bên lề.
3. Khi bạn hoàn tất công việc này đối với một vài người cung cấp thông tin, hãy lên một danh mục tất cả các chủ đề. Gộp những chủ đề tương tự vào với nhau. Xếp các chủ đề này vào các cột để tạo thành danh mục các chủ đề chính, các chủ đề độc đáo, và các chủ đề còn lại.
4. Bây giờ xem danh mục này và quay lại với dữ liệu của bạn. Viết tắt các chủ đề thành các mã hiệu và viết mã hiệu đó kế bên đoạn phù hợp trong bài viết. Thử xem xét sơ bộ các chủ đề để xem có xuất hiện các chủng loại và mã hiệu mới hay không.
5. Tìm những lời lẽ mô tả nhiều nhất chủ đề của bạn và đưa những lời lẽ đó vào các chủng loại. Tìm cách rút gọn danh mục chủng loại của bạn thông qua gộp các chủ đề có liên quan lại với nhau. Có thể vẽ những đường thẳng giữa các chủng loại để thấy mối quan hệ giữa chúng.
6. Ra quyết định sau cùng về chữ viết tắt cho từng chủng loại và sắp xếp theo thứ tự chữ cái cho các mã hiệu này.
7. Sắp xếp dữ liệu thuộc từng chủng loại vào một nơi và thực hiện việc phân tích sơ bộ.
8. Nếu cần, giải mã các dữ liệu hiện có của bạn.

Tám bước này đưa nhà nghiên cứu vào một quá trình phân tích dữ liệu bằng lời một cách có hệ thống. Quá trình này cũng có thể có nhiều biến thể. Ví dụ một số nhà nghiên cứu cảm thấy có ích khi mã hoá các chủng loại khác nhau bằng nhiều màu sắc trên các bản chuyển ngữ hay cắt xén các đoạn văn bản và đặt chúng vào các thẻ ghi chú.

Tôi khuyến khích các nhà nghiên cứu định tính phân tích dữ liệu cho những nguyên liệu có thể mang lại những mã hiệu nhằm vào những đề tài mà độc giả kỳ vọng tìm kiếm, những mã hiệu gây ngạc nhiên, và những mã hiệu hướng tới những quan điểm lý thuyết bao quát hơn trong nghiên cứu. Bogdan và Biklen (1992, trang 166-172) trình bày một danh mục riêng về các loại mã hiệu:

- Mã hiệu bối cảnh và tình huống
- Các quan điểm của đối tượng
- Cách tư duy của đối tượng về con người và mục tiêu
- Mã hiệu quá trình
- Mã hiệu hoạt động
- Mã hiệu chiến lược
- Mã hiệu các mối quan hệ và cơ cấu xã hội
- Các kế hoạch mã hoá định trước

Thêm một chú thích nữa về việc mã hoá: quá trình có thể được nâng cao thông qua sử dụng các chương trình phần mềm định tính. Các chương trình này hiện đang được phổ biến rộng rãi (xem trang web www.asgepub.com về các sản phẩm phần mềm), và rất bổ ích khi có cơ sở dữ liệu định tính lớn (ví dụ như hơn 500 trang chuyển ngữ) và khi nhà nghiên cứu muốn tìm nhanh những đoạn trích dẫn cần thiết và nhiều quan điểm về một chủng loại hay chủ đề. Như với bất kỳ một chương trình phần mềm nào, chương trình phần mềm định tính đòi hỏi phải có thời gian và kỹ năng để học hỏi và vận dụng một cách hữu hiệu, cho dù sách vở để tìm hiểu về chương trình cũng rất phổ biến (ví dụ, Weitzman và Miles, 1995).

- Bước 4** Sử dụng quá trình mã hoá để xây dựng một bản mô tả bối cảnh hay con người cũng như các chủng loại hay chủ đề phân tích. *Bản mô tả* liên quan đến việc trình bày chi tiết thông tin về con người, địa điểm, hay sự kiện trong một bối cảnh. Nhà nghiên cứu có thể tạo ra các mã hiệu cho bản mô tả này. Phân tích này hữu ích khi thiết kế các bản mô tả chi tiết cho các nghiên cứu tình huống, các dự án nghiên cứu dân tộc học và tường thuật. Sau đó, sử dụng quá trình mã hoá để tạo ra một số *chủ đề* hay chủng loại, có lẽ vào khoảng 5 hay 7 chủng loại cho một nghiên cứu. Các chủ đề này là những chủ đề sẽ xuất hiện như những phát hiện chính trong nghiên cứu định tính và được trình bày với những tiêu đề riêng trong phần “các phát hiện của nghiên cứu”. Những chủ đề này nên thể hiện nhiều quan điểm từ các cá nhân và được xác nhận bằng các trích dẫn phong phú làm bằng chứng cụ thể. Ngoài việc nhận diện các chủ đề trong quá trình mã hoá, nhà nghiên cứu định tính có thể làm việc với các chủ đề này để xây dựng thêm các lớp phân tích phức hợp. Ví dụ, nhà nghiên cứu kết nối các chủ đề thành một mạch chuyện (như trong tường thuật) hay triển khai chúng thành một mô hình lý thuyết (như trong lý thuyết cơ sở). Các chủ đề được phân tích cho từng trường hợp riêng và giữa các trường hợp khác nhau (như trong nghiên cứu tình huống), hay được xếp thành một mô tả tổng quát (như trong hiện tượng học). Những nghiên cứu định tính tinh xảo còn đi xa hơn việc mô tả và nhận diện chủ đề để bước vào sự kết nối phức hợp các chủ đề.
- Bước 5** Nêu lên cách thức bản mô tả và các chủ đề sẽ được *trình bày* như thế nào trong tường thuật định tính. Cách tiếp cận phổ biến nhất là sử dụng một đoạn tường thuật để truyền đạt các phát hiện phân tích. Đây có thể là một thảo luận đề cập đến niên đại các sự kiện, thảo luận chi tiết một vài chủ đề (hoàn tất bằng các chủ đề phụ, các minh họa cụ thể, nhiều quan điểm của các cá nhân, và các trích dẫn), hay thảo luận với sự kết nối các chủ đề. Nhiều nhà nghiên cứu định tính cũng sử dụng các bảng biểu, hình ảnh để bổ sung cho việc thảo luận. Họ trình bày một mô hình quá trình (như trong lý thuyết cơ sở), họ đưa ra một bản vẽ thực địa nghiên cứu cụ thể (như trong dân tộc học), hay họ truyền đạt thông tin mô tả về từng người tham gia trong một bảng (như trong nghiên cứu tình huống và dân tộc học).
- Bước 6** Bước cuối cùng trong phân tích dữ liệu liên quan đến việc *lý giải* hay trình bày ý nghĩa của dữ liệu. “Những bài học rút ra là gì” chính là bản chất của ý tưởng này (Lincoln và Guba, 1985). Các bài học này có thể là những diễn giải cá nhân của nhà nghiên cứu, được diễn đạt bằng sự am hiểu cá nhân mà nhà nghiên cứu đưa vào nghiên cứu từ văn hoá, lịch sử, và kinh nghiệm riêng của mình. Nó cũng có thể là một ý nghĩa suy ra từ việc so sánh các phát hiện với thông tin từ tư liệu hay các lý thuyết hiện có. Theo cách này, các tác giả đề xuất rằng các phát hiện xác nhận những thông tin quá khứ hay bất đồng với những thông tin đó. Nó cũng có thể cho thấy những câu hỏi mới cần được đặt ra – những câu hỏi phát sinh thông qua dữ liệu và phân tích mà nhà nghiên cứu đã không nhận ra trước đó trong nghiên cứu. Theo Wolcott, một cách để các nhà dân tộc học kết thúc nghiên cứu của họ là đặt ra thêm những câu hỏi khác. Cách tiếp cận đặt câu hỏi cũng được sử dụng trong nghiên cứu ủng hộ và tham gia. Hơn nữa, khi nhà nghiên cứu định tính sử dụng một lăng kính lý thuyết, họ có thể hình thành những cách diễn giải để kêu gọi chương trình hành động nhằm cải cách và thay đổi. Vì thế, lý giải trong nghiên cứu định tính có thể có nhiều dạng, được điều chỉnh theo các loại thiết kế khác nhau, và linh hoạt để chuyển tải các ý nghĩa cá nhân, dựa vào nghiên cứu và kêu gọi hành động.

XÁC NHẬN TÍNH CHÍNH XÁC CỦA CÁC PHÁT HIỆN

Cho dù việc xác nhận giá trị của các phát hiện diễn ra xuyên suốt các bước trong quá trình nghiên cứu, thảo luận này tách riêng việc xác nhận giá trị nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của công việc này. Những người xây dựng đề xuất nghiên cứu cần truyền đạt các bước thực hiện trong nghiên cứu để kiểm tra tính chính xác và độ tin cậy của các phát hiện.

Việc xác nhận giá trị (validity) không có cùng một nghĩa rộng như trong nghiên cứu định lượng, mà cũng không đi kèm với độ tin cậy (reliability) (xem xét tính ổn định hay nhất quán của các phức đáp, như đã thảo luận trong chương 9) hay khả năng khái quát hoá (giá trị bên ngoài của việc áp dụng các kết quả cho các bối cảnh mới, con người hay các mẫu mới như đã thảo luận trong chương 9). Theo một cách thức có hạn, nhà nghiên cứu định tính có thể sử dụng độ tin cậy để kiểm tra diễn tiến nhất quán của việc triển khai chủ đề giữa các nhà nghiên cứu trong cùng một nhóm nghiên cứu. Họ cũng có thể khái quát hoá một vài khía cạnh của phân tích nhiều trường hợp (Yin, 1989) cho các trường hợp khác. Tuy nhiên, nói chung, độ tin cậy và khả năng khái quát hoá đóng một vai trò không đáng kể trong nghiên cứu định tính.

Mặt khác, việc xác nhận giá trị được xem là sức mạnh của nghiên cứu định tính, nhưng nó được sử dụng để cho thấy việc xác định xem thử các phát hiện có chính xác hay không, nhìn từ góc độ của nhà nghiên cứu, người tham gia, hay độc giả quan tâm (Creswell và Miller, 2000). Có đây đây các thuật ngữ trong tư liệu nghiên cứu định tính đề cập đến ý tưởng này, những thuật ngữ như “trustworthiness,” (tính đáng tin cậy) “authenticity,” (tính chất xác thực) và “credibility” (sự tín nhiệm) (Creswell và Miller, 2000), và đó vẫn là một đề tài được tranh luận sôi nổi (Lincoln và Guba, 2000).

Quan điểm quy trình mà tôi đề nghị cho các đề xuất nghiên cứu là nhận diện và thảo luận một hay nhiều chiến lược sẵn có để kiểm tra tính chính xác của các phát hiện. Có tám chiến lược cơ bản, được sắp xếp từ mức độ thường xuyên được sử dụng nhất và dễ dàng thực hiện nhất cho đến ít được sử dụng hơn và khó thực hiện hơn.

- *Kiểm tra tam giác các nguồn thông tin* khác nhau thông qua xem xét bằng chứng từ các nguồn và sử dụng nó để xây dựng lý lẽ thuyết minh mạch lạc cho các chủ đề.
- *Kiểm tra lại với người tham gia* để xác định tính chính xác của các phát hiện định tính thông qua đưa lại báo cáo sau cùng hay các mô tả cụ thể hay các chủ đề cho người tham gia và xác định xem thử người tham gia có cảm thấy chính xác hay không.
- *Mô tả phong phú, chi tiết* để truyền đạt các phát hiện. Điều này có thể đưa độc giả đến với bối cảnh nghiên cứu và thảo luận yếu tố chia sẻ kinh nghiệm.
- Làm rõ *sự thiên lệch* mà nhà nghiên cứu đưa vào nghiên cứu. Sự phản thân này tạo ra một bản tường thuật để ngỏ và trung thực, tạo ra tiếng vang tốt đối với độc giả.
- Đồng thời cũng trình bày những *thông tin tiêu cực* hay *không nhất quán* đối nghịch với các chủ đề. Vì đời sống thực tế bao gồm nhiều góc độ khác nhau mà không luôn luôn kết hợp thành một khối, việc thảo luận các thông tin trái ngược làm tăng thêm sự tín nhiệm của độc giả đối với lập luận.
- *Dành nhiều thời gian* tại thực địa. Bằng cách này, nhà nghiên cứu xây dựng sự am hiểu sâu sắc về hiện tượng nghiên cứu và có thể truyền đạt chi tiết về thực địa và mang lại độ tin cậy cho lý lẽ tường thuật.
- *Tham khảo các bạn đồng môn* để nâng cao tính chính xác của lập luận. Quá trình này liên quan đến việc tìm một người (người tham khảo đồng môn) xem xét và đặt câu hỏi về

nghiên cứu định tính để lập luận có thể cộng hưởng với những người khác ngoài nhà nghiên cứu.

- Nhờ một *nhà kiểm toán bên ngoài* để xem xét toàn bộ dự án. Khác với người tham khảo đồng môn, nhà kiểm toán này là mới đối với nhà nghiên cứu và dự án, và có thể đánh giá dự án suốt quá trình nghiên cứu hay vào lúc kết luận nghiên cứu. Vai trò của nhà kiểm toán bên ngoài này cũng tương tự như nhà kiểm toán ngân sách, và có những câu hỏi cụ thể mà nhà kiểm toán có thể hỏi (Lincoln và Guba, 1985).

TƯỜNG THUẬT ĐỊNH TÍNH

Kế hoạch về quy trình định tính nên kết thúc bằng nhận xét về việc tường thuật hình thành từ phân tích dữ liệu. Có vô số dạng tường thuật, và ví dụ từ các tạp chí học thuật sẽ minh họa cho các mô hình. Trong một kế hoạch nghiên cứu, hãy xem xét việc đưa ra một số điểm về tường thuật.

Thứ nhất, trình bày hình thức sẽ được sử dụng trong tường thuật. Những hình thức này có thể là một lập luận khách quan, các kinh nghiệm thực địa (Van Maanen, 1988), việc sắp xếp theo niên đại, một mô hình quá trình, một câu chuyện mở rộng, một phân tích theo tình huống hay giữa các tình huống, hay mô tả chi tiết (Creswell, 1998).

Ở mức độ cụ thể, các quy ước có thể là:

- Thay đổi cách sử dụng các trích dẫn dài, ngắn, và hoà lẫn vào bài viết.
- Viết hội thoại và trình bày hội thoại theo các ngôn ngữ khác nhau để phản ánh sự nhạy cảm văn hoá.
- Trình bày thông tin bằng lời dưới dạng bảng (ví dụ các ma trận).
- Sử dụng lời lẽ từ những người tham gia.
- Đan xen các đoạn trích dẫn với lý giải của tác giả.
- Sử dụng các khoảng lùi vào ở đầu dòng hay cách định dạng đặc biệt khác của bản thảo để kêu gọi sự chú ý đến các đoạn trích dẫn từ những người tham gia.
- Sử dụng ngôi thứ nhất số ít “tôi” hay số nhiều “chúng tôi” trong dạng tường thuật.
- Sử dụng các ẩn dụ (ví dụ, tìm đọc nghiên cứu của Richardson thảo luận một số dạng này).
- Sử dụng cách tường thuật thường được sử dụng ứng với từng chiến lược tìm hiểu định tính (ví dụ như mô tả trong nghiên cứu tình huống và dân tộc học, kể chuyện chi tiết trong nghiên cứu tường thuật). Đồng thời, mô tả cách so sánh kết quả tường thuật với các lý thuyết và tư liệu chung về đề tài. Trong nhiều bài báo định tính, các nhà nghiên cứu thảo luận về tư liệu vào cuối nghiên cứu (xem thảo luận trong chương 2).

Ví dụ 10.1 Các quy trình định tính

Dưới đây là ví dụ về một quy trình định tính được viết như một phần trong một đề xuất nghiên cứu luận văn tiến sĩ (D. Miller, 1992). Dự án của Miller là một nghiên cứu dân tộc học về những kinh nghiệm năm đầu tiên của chủ tịch trường cao đẳng bốn năm. Khi tôi trình bày thảo luận này, tôi sẽ liên hệ ngược lại các phần đã nêu trong chương này và làm rõ chúng dưới dạng chữ in đậm. Đồng thời, tôi cũng giữ lại cách sử dụng thuật ngữ của Miller là *người cung cấp thông tin*, cho dù ngày nay, thuật ngữ phù hợp hơn là *người tham gia* nên được sử dụng.

Hệ nghiên cứu định tính

Hệ nghiên cứu định tính bắt nguồn từ nhân loại học và xã hội học Mỹ (Kirk và Miller, 1986). Nó chỉ mới được điều chỉnh gần đây bởi các nhà nghiên cứu giáo dục (Borg và Gall, 1989). Dự định của nghiên cứu định tính là tìm hiểu một tình huống xã hội cụ thể, một sự kiện, một vai trò, một nhóm hay một sự tương tác (Locke, Spirduso và Silverman, 1987). Nhìn chung, đó là một quá trình tìm hiểu, trong đó nhà nghiên cứu dần dần nhận thức về một hiện tượng xã hội thông qua đối chiếu, so sánh, tái tạo, ghi chép và phân loại đối tượng nghiên cứu (Miles và Huberman, 1984). Marshall và Rossman (1989) đề xuất rằng điều này dẫn đến sự dần thân vào cuộc sống thường ngày của bối cảnh được chọn nghiên cứu; nhà nghiên cứu bước vào thế giới của người cung cấp thông tin và thông qua sự tương tác diễn ra, nhà nghiên cứu tìm kiếm quan điểm và ý nghĩa của người cung cấp thông tin. **(Đề cập đến các giả định định tính.)**

Các học giả cho rằng nghiên cứu định tính có thể được phân biệt với phương pháp luận định lượng thông qua vô số đặc điểm độc đáo cố hữu của thiết kế. Phần sau đây tổng hợp các giả định thường được nêu lên về các đặc điểm mà các nhà nghiên cứu vẫn trình bày:

1. Nghiên cứu định tính diễn ra trong bối cảnh tự nhiên, nơi diễn ra hành vi của con người và các sự kiện.
2. Nghiên cứu định tính được dựa trên những giả định rất khác với các thiết kế định lượng. Lý thuyết hay các giả thiết không được thiết lập một cách tiên nghiệm.
3. Nhà nghiên cứu là công cụ chính trong việc thu thập dữ liệu chứ không phải một cơ chế vô tri vô giác nào (Eisner, 1991; Fraenkel và Wallen, 1990; Lincoln và Guba, 1985; Merriam, 1988).
4. Dữ liệu xuất hiện từ một nghiên cứu định tính có tính chất mô tả. Nghĩa là, dữ liệu được tường thuật bằng lời (chủ yếu là từ ngữ của những người tham gia) hay tranh ảnh, chứ không phải bằng những con số (Fraenkel và Wallen, 1990; Locke và những người khác, 1987; Marshall và Rossman, 1989; Merriam, 1988).
5. Trọng tâm của nghiên cứu định tính là về nhận thức và kinh nghiệm của người tham gia, và cách họ nhận thức cuộc sống của họ (Fraenkel và Wallen, 1990; Locke và những người khác, 1987; Merriam, 1988). Do đó, nỗ lực của nhà nghiên cứu không phải là tìm hiểu một, mà là nhiều thực tế (đa thực tế) (Lincoln và Guba, 1985).
6. Nghiên cứu định tính tập trung vào quá trình diễn ra cũng như sản phẩm hay kết quả. Nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm đến việc tìm hiểu sự việc xảy ra như thế nào (Fraenkel và Wallen, 1990; Merriam, 1988).
7. Nghiên cứu định tính sử dụng sự diễn giải dấu hiệu đặc thù. Nói cách khác, người ta chú ý đến những cái cụ thể, và dữ liệu được diễn giải theo những nét cụ thể của một trường hợp chứ không phải là khái quát hoá.
8. Nghiên cứu định tính là thiết kế xuất hiện trong các kết quả thương thảo. Ý nghĩa và sự diễn giải được thương thảo với các nguồn dữ liệu con người vì đó là thực tế của đối tượng mà nhà nghiên cứu cố gắng xây dựng lại (Lincoln và Guba, 1985; Merriam, 1988).
9. Truyền thống nghiên cứu này dựa vào việc sử dụng tri thức ngầm ẩn (tri thức cảm nhận và trực giác) vì thông thường sắc thái của đa thực tế có thể được đánh giá nhiều nhất bằng cách này (Lincoln và Guba, 1985). Do đó, dữ liệu không thể định lượng được theo ý nghĩa truyền thống của từ.
10. Tính khách quan và trung thực là quan trọng đối với cả hai truyền thống nghiên cứu. Tuy nhiên, các tiêu chí để đánh giá một nghiên cứu định tính thì khác với nghiên cứu định lượng. Trước tiên và trên hết, nhà nghiên cứu tìm kiếm khả năng có thể tin được (believability) dựa vào sự mạch lạc, sự sáng suốt, và sự sử dụng thiết thực (Eisner, 1991) và tính đáng tin cậy

(trustworthiness) (Lincoln và Guba, 1985) thông qua một quá trình xác minh chứ không phải thông qua các số đo giá trị và độ tin cậy truyền thống. **(Các đặc điểm định tính được đề cập.)**

Thiết kế nghiên cứu dân tộc học

Nghiên cứu này sẽ sử dụng truyền thống nghiên cứu dân tộc học. Thiết kế này hình thành từ lĩnh vực nhân loại học, chủ yếu từ đóng góp của Bronislaw Malinowski, Rober Park và Franz Boas (Jacob, 1987; Kirk và Miller, 1986). Dự định của nghiên cứu dân tộc học là đạt được một bức tranh chính thể về đề tài nghiên cứu với sự nhấn mạnh vào việc mô tả kinh nghiệm ngày nay của các cá nhân thông qua quan sát và phỏng vấn họ và các phương tiện phù hợp khác (Fraenkel và Wallen, 1990). Nghiên cứu dân tộc học bao gồm việc phỏng vấn sâu sát và quan sát người tham gia liên tục về một tình huống đang diễn ra (Jacob, 1987) và cố gắng nắm bắt bức tranh tổng thể cho thấy người ta mô tả và kết cấu cuộc sống của họ như thế nào (Fraenkel và Wallen, 1990). **(Tác giả sử dụng cách tiếp cận dân tộc học.)**

Vai trò của nhà nghiên cứu

Đặc biệt trong nghiên cứu định tính, vai trò của nhà nghiên cứu như công cụ thu thập dữ liệu cơ bản đòi hỏi phải trình bày các giá trị cá nhân, các giả định và sự thiên lệch ngay từ đầu nghiên cứu. Đóng góp của nhà nghiên cứu cho bối cảnh nghiên cứu có thể là hữu ích và tích cực chứ không phải là bất lợi (Locke và những người khác, 1987). Nhận thức của tôi về giáo dục đại học và cương vị chủ tịch trường cao đẳng đã được định hình bởi các kinh nghiệm cá nhân. Từ tháng 8-1980 đến tháng 5-1990, tôi phục vụ như một nhà quản lý trường cao đẳng tại các trường tư có từ 600 đến 5.000 sinh viên. Gần đây nhất (1987-1990), tôi là Chủ nhiệm phụ trách đời sống sinh viên ở một trường cao đẳng nhỏ ở miền trung tây. Là một thành viên trong hội đồng nhà trường, tôi tham gia vào các hoạt động và quyết định quản lý cấp cao của hội đồng nhà trường và làm việc sâu sát với khoa, các cán bộ hội đồng, chủ tịch, và hội đồng quản trị. Ngoài việc báo cáo cho chủ tịch, tôi còn làm việc với ông suốt năm đầu tiên trong nhiệm kỳ của ông. Tôi tin sự am hiểu này về bối cảnh và vai trò giúp nâng cao ý thức, tri thức và sự nhạy cảm trước những thử thách, quyết định và vấn đề mà cương vị chủ tịch phải đương đầu trong năm đầu tiên và sẽ giúp tôi làm việc với người cung cấp thông tin trong nghiên cứu này. Tôi có tri thức về cơ cấu giáo dục đại học và về vai trò của chủ tịch trường cao đẳng. Tôi sẽ đặc biệt chú ý đến vai trò của chủ tịch mới trong việc phát động thay đổi, xây dựng mối quan hệ, ra quyết định, đem đến sự lãnh đạo và tầm nhìn.

Do kinh nghiệm trước đây làm việc gần gũi với một chủ tịch mới ở trường cao đẳng, tôi có những thiên lệch nhất định trong nghiên cứu này. Cho dù tôi sẽ thực hiện mọi nỗ lực để đạt được tính khách quan, những thiên lệch đó có thể định hình cách thức nhìn nhận và tìm hiểu dữ liệu mà tôi thu thập và cách tôi diễn giải những trải nghiệm của mình. Tôi bắt đầu nghiên cứu này bằng quan điểm cho rằng chủ tịch trường cao đẳng là một cương vị đa dạng và thường khó khăn. Cho dù các kỳ vọng thật là bao la, tôi đặt câu hỏi không biết chủ tịch phải có bao nhiêu quyền lực để phát động thay đổi và đem đến sự lãnh đạo và tầm nhìn. Tôi xem năm đầu tiên là quan trọng; đây những điều chỉnh, thất vọng, sự ngạc nhiên và thử thách bất ngờ. **(Tác giả phản ánh vai trò của mình trong nghiên cứu.)**

Phạm vi nghiên cứu

Bối cảnh

Nghiên cứu này sẽ được thực hiện tại cơ sở của một trường cao đẳng tiểu bang ở miền trung tây. Trường tọa lạc ở một cộng đồng nông thôn miền trung tây. Số lượng 1.700 sinh viên của trường gần gấp đôi dân số thị trấn 1.000 người khi các lớp đang thao giảng. Nhà trường cấp bằng cử nhân, thạc sĩ và phó tiến sĩ với 51 chuyên ngành.

Các tác nhân

Người cung cấp thông tin trong nghiên cứu này là chủ tịch mới của một trường cao đẳng tiểu bang ở miền trung tây. Người cung cấp thông tin chính trong nghiên cứu này là chủ tịch nhà trường, tuy nhiên, tôi sẽ quan sát ông trong bối cảnh các cuộc họp hội đồng nhà trường. Hội đồng nhà trường bao gồm ba phó chủ tịch (Giáo vụ, Hành chính, và Phụ trách sinh viên) và hai chủ nhiệm (Sinh viên tốt nghiệp và Giáo dục liên thông).

Các sự kiện

Sử dụng phương pháp luận nghiên cứu dân tộc học, tiêu điểm của nghiên cứu này là kinh nghiệm và sự kiện hàng ngày của chủ tịch mới của nhà trường, các nhận thức và ý nghĩa gắn liền với kinh nghiệm này như được thể hiện bởi người cung cấp thông tin. Tiêu điểm này cũng bao gồm việc đồng hoá các sự kiện và thông tin bất ngờ, và tìm hiểu các sự kiện và vấn đề quan trọng phát sinh.

Các quá trình

Tôi sẽ đặc biệt chú ý đến vai trò của chủ tịch mới trong việc phát động thay đổi, xây dựng mối quan hệ, ra quyết định, và mang lại sự lãnh đạo và tầm nhìn. **(Tác giả đề cập đến ranh giới thu thập dữ liệu.)**

Các cân nhắc về đạo đức

Hầu hết các tác giả thảo luận về thiết kế nghiên cứu định tính đều nhắc đến tầm quan trọng của các cân nhắc đạo đức (Locke và những người khác, 1982; Marshall và Rossman, 1989; Merriam, 1988; Spradley, 1980). Trước tiên và trên hết, nhà nghiên cứu có nghĩa vụ tôn trọng quyền, nhu cầu, các giá trị và mong muốn của (những) người cung cấp thông tin. Ở một mức độ nào đó, nghiên cứu dân tộc học luôn luôn có tính chất quấy rầy. Việc quan sát người tham gia dẫn đến sự thâm nhập vào đời sống của người cung cấp thông tin (Spradley, 1980) và các thông tin nhạy cảm thường bị bộc lộ. Đây là một mối quan ngại đặc biệt trong nghiên cứu này, trong đó cương vị và tổ chức của người cung cấp thông tin dễ dàng nhận thấy. Các biện pháp bảo vệ sau đây được triển khai để bảo vệ quyền của người cung cấp thông tin: 1) Các mục tiêu nghiên cứu sẽ được trình bày khúc chiết bằng lời nói và bằng văn bản để người cung cấp thông tin hiểu rõ (bao gồm một bản mô tả cách thức sử dụng dữ liệu như thế nào), 2) Người cung cấp thông tin sẽ có một văn bản cho phép tiến hành nghiên cứu như đã trình bày, 3) Hai bên sẽ điền vào biểu mẫu miễn nghiên cứu của Hội đồng xem xét thể chế (Phụ lục B1 và B2), 4) Người cung cấp thông tin sẽ được thông báo về mọi công cụ và hoạt động thu thập dữ liệu, 5) Bản chuyển ngữ nguyên văn, các văn bản diễn giải và báo cáo sẽ được cung cấp cho người cung cấp thông tin, 6) Quyền, lợi ích và mong muốn của người cung cấp thông tin sẽ được xem xét trước tiên khi phải tiến hành sự

chọn lựa về việc báo cáo dữ liệu, và 7) Quyết định cuối cùng về tình trạng ẩn danh sẽ tùy thuộc vào người cung cấp thông tin. **(Tác giả đề cập đến các vấn đề đạo đức và việc xem xét của Hội đồng xem xét thể chế.)**

Các chiến lược thu thập dữ liệu

Dữ liệu sẽ được thu thập từ tháng 2 cho đến tháng 5-1992. Ít nhất dữ liệu sẽ bao gồm các cuộc phỏng vấn 45 phút với người cung cấp thông tin, được ghi âm, một tháng hai lần (các câu hỏi phỏng vấn ban đầu, phụ lục C); các quan sát về các cuộc họp hội đồng nhà trường dài 2 giờ, một tháng hai lần; và các quan sát dài 2 giờ, một tháng hai lần về các hoạt động hàng ngày; và phân tích một tháng hai lần về lịch làm việc và các văn bản chứng từ của chủ tịch (biên bản họp, bản ghi nhớ, các ấn bản công bố). Ngoài ra, người cung cấp thông tin đồng ý ghi lại ấn tượng về kinh nghiệm của ông, các suy nghĩ và cảm giác trong một nhật ký ghi âm (hướng dẫn phản ánh ghi âm, phụ lục D). Hai cuộc phỏng vấn tiếp theo sẽ được sắp xếp vào cuối tháng 5-1992 (xem phụ lục E về trục thời gian đề xuất và lịch hoạt động). **(Tác giả đề xuất sử dụng phỏng vấn mặt đối mặt, tham gia như một người quan sát, và thu thập các chứng từ riêng.)**

Để hỗ trợ việc thu thập dữ liệu, tôi sẽ sử dụng một thời gian biểu thực địa, trình bày giải thích chi tiết cách thức tôi dự định sử dụng thời gian khi tôi ở tại hiện trường và trong giai đoạn chuyên ngữ và phân tích (đồng thời cũng so sánh ghi chép này với việc sử dụng thời gian thực tế của tôi). Tôi dự định ghi chép những chi tiết liên quan đến các quan sát trong một sổ ghi chép thực địa và duy trì một quyển nhật ký thực địa để ghi chép các suy nghĩ riêng, cảm giác, kinh nghiệm và nhận thức của tôi trong suốt quá trình nghiên cứu. **(Tác giả ghi nhận các thông tin phản thân và mô tả.)**

Các quy trình phân tích dữ liệu

Merriam (1988) và Marshall và Rossman (1989) cho rằng thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu phải là một quá trình đồng thời trong nghiên cứu định tính. Schatzman và Strauss (1973) cho rằng phân tích dữ liệu định tính chủ yếu dẫn đến việc phân loại các vụ việc, con người, sự kiện, và các đặc tính của chúng. Thông thường trong quá trình phân tích dữ liệu, nhà dân tộc học lập chỉ số hay mã hoá dữ liệu của họ bằng càng nhiều chủng loại càng tốt (Jacob, 1987). Họ tìm cách nhận diện và mô tả các phương thức diễn tiến và các chủ đề từ quan điểm của (những) người tham gia, sau đó cố gắng tìm hiểu và giải thích các phương thức diễn tiến và chủ đề này (Agar, 1980). Trong quá trình phân tích dữ liệu, dữ liệu sẽ được sắp xếp theo chủng loại và niên đại, rà soát lại nhiều lần, và liên tục mã hoá. Một danh mục những ý tưởng xuất hiện sẽ được ghi chép lại (như đề xuất của Merriam, 1988). Các cuộc phỏng vấn ghi âm và nhật ký ghi âm của người tham gia sẽ được chuyển ngữ nguyên văn. Các ghi chép thực địa và nhật ký sẽ được xem xét đều đặn. **(Tác giả mô tả các bước phân tích dữ liệu.)**

Ngoài ra, quá trình phân tích dữ liệu sẽ được trợ giúp bằng việc sử dụng một chương trình điện toán phân tích dữ liệu định tính, gọi là HyperQual. Raymond Padilla (Đại học bang Arizona) thiết kế HyperQual vào năm 1987 để sử dụng với máy tính Macintosh. HyperQual sử dụng phần mềm HyperCard và giúp thuận lợi cho việc ghi chép và phân tích dữ liệu bằng lời và đồ hoạ. Các ngăn xếp (stack) đặc biệt được ấn định để giữ và tổ chức dữ liệu. Sử dụng HyperQual, nhà nghiên cứu có thể trực tiếp “nhập vào dữ liệu thực địa, bao gồm dữ liệu phỏng vấn, các quan sát, bản ghi nhớ của nhà nghiên cứu, các minh hoạ v.v... (và) các mã hiệu toàn bộ hay một phần của dữ liệu nguồn để có thể rút ra các “khoanh” dữ liệu rồi lắp ráp lại thành một cấu hình mới và sáng tỏ” (Padilla, 1989, trang 69-70). Các khoanh dữ liệu có nghĩa có thể được nhận diện, truy

xuất, tách riêng, hợp lại và tái hợp để phân tích. Các chủng loại hay các tên mã hiệu có thể được nhập vào ngay từ đầu hay vào một ngày nào về sau. Các mã hiệu có thể được bổ sung, thay đổi hay xoá đi bằng biên tập của HyperQual và có thể dò tìm các chủng loại chính, các chủ đề, các từ ngữ hay cụm từ trong văn bản. **(Tác giả đề cập đến mục đích sử dụng phần mềm máy tính để phân tích dữ liệu.)**

Xác minh

Để đảm bảo giá trị bên trong, các chiến lược sau đây sẽ được triển khai:

1. Kiểm tra chéo các nguồn dữ liệu – Dữ liệu sẽ được thu thập thông qua nhiều nguồn bao gồm phỏng vấn, quan sát và phân tích văn bản chứng từ;
2. Kiểm tra với người tham gia – Người cung cấp thông tin sẽ đóng vai trò kiểm tra suốt quá trình phân tích. Việc trao đổi về những diễn giải của tôi về thực tế và các ý nghĩa của người cung cấp thông tin sẽ bao gồm giá trị sự thật của dữ liệu;
3. Các quan sát dài hạn và lặp đi lặp lại tại thực địa nghiên cứu – các quan sát đều đặn và lặp lại của những hiện tượng và bối cảnh tương tự sẽ xảy ra tại thực địa trong thời gian bốn tháng;
4. Xem xét của người đồng môn – một nghiên cứu sinh tiến sĩ và một phó tiến sĩ trong Khoa Tâm lý giáo dục sẽ đóng vai trò những người xem xét đồng môn;
5. Phương thức nghiên cứu tham gia – Người cung cấp thông tin sẽ tham gia vào hầu hết các giai đoạn của nghiên cứu này, từ thiết kế dự án cho đến kiểm tra các diễn giải và kết luận; và
6. Làm rõ sự thiên lệch của nhà nghiên cứu – Ngay từ đầu nghiên cứu này, sự thiên lệch của nhà nghiên cứu sẽ được trình bày bằng văn bản trong đề xuất nghiên cứu luận văn với tiêu đề “Vai trò của nhà nghiên cứu.”

Chiến lược cơ bản sử dụng trong dự án này để bảo đảm giá trị bên ngoài sẽ là trình bày sự mô tả phong phú, chi tiết, súc tích để những người quan tâm đến khả năng đời chuyên sẽ có một bộ cục so sánh vững chắc (Merriam, 1988). Ba kỹ thuật để bảo đảm tính tin cậy sẽ được triển khai trong nghiên cứu này. Thứ nhất, nhà nghiên cứu sẽ giải thích chi tiết về tiêu điểm của nghiên cứu, vai trò của nhà nghiên cứu, cương vị của người cung cấp thông tin, và cơ sở chọn lựa, và bối cảnh thu thập dữ liệu (LeCompte và Goetz, 1984). Thứ hai, việc kiểm tra tam giác các nguồn thông tin hay các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu sẽ được sử dụng, giúp củng cố tính tin cậy cũng như giá trị bên trong (Merriam, 1988). Cuối cùng, các chiến lược thu thập và phân tích dữ liệu sẽ được báo cáo chi tiết nhằm mang lại một bức tranh rõ ràng và chính xác về các phương pháp sử dụng trong nghiên cứu này. Mọi giai đoạn của dự án này đều được kiểm tra bằng một nhà kiểm toán bên ngoài có kinh nghiệm về các phương pháp nghiên cứu định tính. **(Tác giả nêu các chiến lược xác nhận giá trị được sử dụng trong nghiên cứu.)**

Báo cáo các phát hiện

Lofland (1974) đề xuất rằng cho dù các chiến lược thu thập và phân tích dữ liệu là tương tự như nhau trong các phương pháp định tính, cách thức báo cáo phát hiện lại đa dạng. Miles và Huberman (1984) nói đến tầm quan trọng của việc sáng tạo một cách trình bày dữ liệu và đề xuất rằng bài tường thuật là hình thức thường xuyên nhất của việc trình bày dữ liệu định tính. Đây là một nghiên cứu tự nhiên học, do đó, các kết quả sẽ được trình bày dưới dạng tường thuật mô tả chứ không phải một báo cáo khoa học. Mô tả chi tiết sẽ là phương tiện để truyền đạt một bức tranh chính thể về kinh nghiệm của một chủ tịch mới ở trường cao đẳng. Dự án sau cùng sẽ là xây dựng kinh nghiệm của người cung cấp thông tin và những ý nghĩa gắn liền với kinh nghiệm đó. Điều này sẽ giúp độc giả trải nghiệm lây những thử thách mà vị chủ tịch đã trải qua và mang

lại một lăng kính qua đó độc giả có thể xem xét thể giới của đối tượng. **(Các kết quả của nghiên cứu được đề cập.)**

TÓM TẮT

Chương này khám phá các bước triển khai và viết một quy trình định tính. Thừa nhận sự đa dạng trong các nghiên cứu định tính, chương này trình bày hướng dẫn tổng quát về các quy trình. Hướng dẫn này bao gồm thảo luận về các đặc điểm chung của nghiên cứu định tính nếu độc giả không quen thuộc với cách tiếp cận nghiên cứu này. Các đặc điểm này là: nghiên cứu diễn ra trong bối cảnh tự nhiên, triển khai nhiều phương pháp thu thập dữ liệu, có tính chất tự xuất hiện chứ không được hình dung trước, dựa vào sự diễn giải của nhà nghiên cứu, được xem xét một cách chính thể, có tính phản thân, sử dụng cả các quá trình qui nạp và diễn dịch, và triển khai một chiến lược tìm hiểu. Hướng dẫn này đề nghị người viết đề xuất nghiên cứu nên đề cập đến chiến lược tìm hiểu, như nghiên cứu các cá nhân (tường thuật, hiện tượng học), khám phá các quá trình, các hoạt động và các sự kiện (nghiên cứu tình huống, lý thuyết cơ sở), hay xem xét những hành vi có chung văn hoá của các cá nhân hay các nhóm (dân tộc học). Việc chọn lựa chiến lược cần được trình bày và bảo vệ. Hơn nữa, đề xuất nghiên cứu cần nói đến vai trò của nhà nghiên cứu: các kinh nghiệm quá khứ, sự kết nối cá nhân với hiện trường, các bước tiếp cận thực địa, và các vấn đề đạo đức nhạy cảm. Thảo luận về thu thập dữ liệu nên bao gồm cách lấy mẫu có chủ định và hình thức dữ liệu sẽ được thu thập (ví dụ như các quan sát, phỏng vấn, văn bản, các tài liệu nghe nhìn). Cần nêu loại hình bản ghi chép dữ liệu nguyên mẫu sẽ được sử dụng. Phân tích dữ liệu là một quá trình tiếp diễn trong suốt nghiên cứu. Nó liên quan đến việc phân tích thông tin của người tham gia, và nhà nghiên cứu thường tiến hành các bước phân tích tìm thấy trong một chiến lược tìm hiểu cụ thể. Các bước tổng quát hơn bao gồm sắp xếp và chuẩn bị dữ liệu, đọc các thông tin, mã hoá dữ liệu, từ các mã hiệu xây dựng một bản mô tả và phân tích theo chủ đề, và trình bày các phát hiện trong các bảng, biểu đồ và hình ảnh. Nó cũng liên quan đến việc diễn giải dữ liệu dưới ánh sáng các bài học cá nhân học được, so sánh các phát hiện với tư liệu quá khứ và lý thuyết, nêu lên các câu hỏi, và đặt ra một chương trình cải cách. Đề xuất nghiên cứu cũng nên bao gồm một phần về các kết quả kỳ vọng của nghiên cứu. Cuối cùng, một bước quan trọng nữa trong việc lên kế hoạch đề xuất nghiên cứu là đề cập đến những chiến lược sẽ được sử dụng để xác nhận tính chính xác của các phát hiện.

Bài tập viết

1. Viết một kế hoạch cho quy trình sẽ được sử dụng trong nghiên cứu định tính của bạn. Sau khi viết kế hoạch này, sử dụng bảng 10.1 như một danh sách kiểm tra để xem xét tính toàn diện của kế hoạch của bạn.
2. Lập một bảng, bao gồm một cột bên trái liệt kê các bước bạn dự định thực hiện để phân tích dữ liệu của mình; trong cột phía bên phải, nêu các bước áp dụng trực tiếp cho dự án của bạn, chiến lược nghiên cứu bạn dự định sử dụng, và dữ liệu mà bạn đã thu thập được.

BÀI ĐỌC THÊM

Bogdan, R. C., và Biklen, S. K. (1992). *Qualitative research for education: An introduction to theory and methods.* Boston: Allyn và Bacon.

Robert Bogdan và Sari Biklen trình bày các chương về thu thập dữ liệu định tính, phân tích dữ liệu, và viết các kết quả. Chương sách về thu thập dữ liệu trình bày chi tiết các quy trình liên

quan đến việc biên soạn các ghi chép thực địa: các loại, nội dung, và bố cục. Họ đề xuất những kỹ thuật tổng hợp trong việc viết nghiên cứu trong một chương khác. Ví dụ về các kỹ thuật này là việc sử dụng trích dẫn, kết hợp phân tích và ví dụ, diễn giải, và sử dụng nhiều phương pháp trình bày.

Marshall, C., và Rossman, G. B. (1999). *Designing qualitative research* (ấn bản lần thứ ba). Thousand Oaks, CA: Sage.

Catherine Marshall và Gretchen Rossman giới thiệu các quy trình cho một đề xuất nghiên cứu định tính. Ngoài việc đề cập đến những vấn đề chọn mẫu, họ mô tả vai trò của nhà nghiên cứu, liên quan đến việc thâm nhập thực địa, sự quan hệ qua lại, tiểu sử cá nhân, và các vấn đề đạo đức. Một vài chương xem xét cả các phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp cũng như đưa ra các quy trình tổng quát trong phân tích dữ liệu định tính. Quyển sách này là tài liệu nhập môn xuất sắc của nghiên cứu định tính cũng như để chuẩn bị đề xuất nghiên cứu.

Tesch, R. (1990). *Qualitative research: Analysis types and software tools*. New York: Falmer.

Reneta Tesch đã biên soạn một giáo trình phân tích dữ liệu định tính bao gồm những đề tài bao quát như các loại thiết kế định tính, cơ chế mã hoá dữ liệu văn bản, và các chương trình phần mềm điện toán sẵn có để phân tích văn bản. Chương sách về “Các loại nghiên cứu định tính,” hoàn tất bằng một phần tổng quan đồ hoạ về 20 loại thiết kế định tính, trình bày bốn chủng loại thiết kế định tính – các đặc điểm của ngôn ngữ, khám phá các điểm hợp thức, nhận thức ý nghĩa của văn bản/ hành động, và phản thân. Đây là một tài liệu phân loại hết sức chi tiết và toàn diện. Chương sách về “Tổ chức các hệ thống và cách triển khai” trình bày một phương pháp để mã hoá các bản chuyên ngữ. Bà cũng trình bày một thảo luận bổ ích về các chương trình phần mềm định tính để phân tích dữ liệu bằng lời.